

## VỊ TRÍ VÀ ĐÓNG GÓP CỦA LƯU TRỌNG LƯ TRONG TIẾN TRÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM

THS. HOÀNG THUY ANH

Tạp chí Nhật Lệ

**L**ưu Trọng Lư (1911-1991) xuất hiện ở giai đoạn đầu của phong trào Thơ Mới. Ông sinh ra ở làng Cao Lao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông tham gia văn đàn với nhiều thể loại: thi ca, kịch bản văn học, phê bình, tiểu luận, truyện ngắn, tiểu thuyết, tùy bút, bút ký,... Những đóng góp trên nhiều địa hạt ấy đã khẳng định vị trí đặc biệt quan trọng của Lưu Trọng Lư đối với tiến trình phát triển văn học nghệ thuật của nước nhà.

Lâu nay nhắc tên tuổi ông thông thường hay nhắc đến *Tiếng thu*, phải rồi, bởi *Tiếng thu* như là khoảng trời riêng biệt, nó làm nên sự nghiệp nghệ thuật. Nhưng quả là không cân bằng và trọn vẹn, nếu không nhắc tên ông cùng với các loại hình khác, không kém phần quyết liệt trong cuộc đời sáng tạo kỳ vĩ và lạ lùng ấy. Về thơ, Lưu Trọng Lư có những thi phẩm: *Tiếng thu* (1939), *Tỏa sáng đôi bờ* (1959), *Người con gái sông Gianh* (1966), *Từ đất này* (1971). Về văn xuôi, Lưu Trọng Lư cống hiến cả truyện ngắn, truyện vừa lẫn truyện dài. Có thể kể một số tác phẩm sau: *Người sơn nhân* (1933), *Những nét đan thanh* (1934), *Huyền Không động* (1935), *Khói lam chiều* (1936), *Cô Nguyệt* (1937), *Con đười ươi* (1938), *Huế - một buổi chiều* (1938), *Một người đau khổ* (1939), *Chạy loạn* (1939), *Cô gái tân thời* (1939), *Một tháng với ma* (1940), *Sơn nhân* (1940), *Chiếc cáng xanh* (1941), *Cô Nhung* (1941), *Mẹ con* (1942), *Em là gái trong khung cửa* (1942), *Dòng họ* (1943), *Hổ với Mọi* (1944), *Chiến khu Thừa thiên* (1952), *Truyện cô Nhụy* (1962), *Mùa thu lớn* (1978), *Nửa đêm sực tỉnh* (1989)... Về sân khấu có: *Nữ diễn viên miền Nam*, *Cây thanh trà* (kịch bản cải lương), *Xuân*

*Vỹ Dạ*, *Anh Trỗi* (kịch nói), *Hồng Gấm* (kịch thơ, 1973), *Tuổi hai mươi* (kịch thơ, 1974)... Mỗi lĩnh vực, Lưu Trọng Lư đều để lại những đóng góp to lớn đáng kể.

Như chúng ta biết, phong trào Thơ Mới lãng mạn Việt Nam ra đời, một mặt đáp ứng được sự thay đổi của thi ca trong hành trình đi lên của nó, mặt khác lại là mảnh đất để các nhà thơ có thể làm mới mình, bộc lộ tiếng nói tự do của chính mình. Giai đoạn này, chủ nghĩa tượng trưng (symbolisme) đã ảnh hưởng sâu sắc đến thi ca Pháp, nhưng đến những năm 1935-1945 nó mới thực sự ảnh hưởng đến các nhà Thơ mới Việt Nam. Các nhà thơ như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Huy Cận, Bích Khê... đều ít nhiều chịu ảnh hưởng phong cách của Baudelaire.

Thơ Lưu Trọng Lư là mảng đóng góp lớn nhất và gây ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng người đọc. Giữ vai trò là nhà thơ tiên phong trong phong trào Thơ Mới nhưng chất thơ của ông không *Tây* như Xuân Diệu, không *sâu vạn cổ* như Huy Cận, không *điên cuồng* như Hàn Mặc Tử... mà có sự đan quện giữa cổ điển và hiện đại, phương Đông và phương Tây, hay nói cách



Ảnh: T.L

Nhà thơ Lưu Trọng Lư

khác, thơ ông vừa có vẻ đẹp cổ điển vừa có luồng gió của thời đại mới. Điều này làm nên cái tôi vừa rạo rức, tràn đầy cảm xúc vừa u buồn, cô đơn. Đó là thế giới của cõi mộng, cõi chiêm bao. Đó là tiếng lòng của một “thi sĩ đa tình và mơ mộng” (Vũ Ngọc Phan) “chỉ sống bằng tưởng tượng” (Trương Tửu), “sống bằng nội tâm nhiều hơn ngoại giới” (Phan Cự Đệ). Và “Mộng, đó mới là quê hương của Lưu” (Hoài Thanh, Hoài Chân). Trong các tập thơ, tập *Tiếng thu*, tập thơ đầu tay thể hiện rõ nhất về cái tôi trữ tình và phong cách thơ của Lưu Trọng Lư, đồng thời khẳng định dấu ấn của ông đối với phong trào Thơ Mới.

Tuy trốn khỏi thế giới thực tại, bay vào thế giới của vô thức, của giấc mộng mà kiếm tìm cái đẹp, thực hiện khát vọng của mình nhưng âm hưởng chủ đạo của Thơ Mới vẫn là cái buồn, cái sầu. Có thể nói, các nhà Thơ Mới đều biết cách tạo dựng cho lâu đài thơ của mình một thế giới sâu riêng biệt, không ai giống ai. Lưu Trọng Lư đánh dấu con đường thơ đầu tiên của mình bằng ba thanh âm: *mộng, sầu, tình*.

Con thuyền trong thơ Lưu Trọng Lư là con thuyền *sắp trẩy bến thần tiên*, vượt qua *ba mươi sáu bến bông bênh*, bơi trong *cõi mộng lồng lộng*. Người ngồi trên con thuyền ấy là khách giang hồ, khách du ngoạn, người tráng sĩ... với khát vọng thoát ly thực tại, giải phóng cái tôi, vươn đến chân trời tự do, kiếm tìm, tận hưởng cái đẹp của thế giới bên kia. Từ điểm nhìn ấy, thế giới thực trở nên mờ nhạt, thay vào đó là sự sống động, bông bênh, mê hoặc của thế giới nhiệm mầu. Thế giới lệch pha vẽ nên những bức tranh phi lôgic, huyền ảo, đa nghĩa. Chúng là kết quả của sự xâm nhập “khu vực bí ẩn” (Mallarmé) (Hôm qua, Giang hồ, Một chút tình, Tình điên, Còn chi nữa, Thuyền mộng, Im lặng, Chiếc cánh điều, Thú đau thương, Mộng chiều về, Sứ giả...).

Bài thơ “Tiếng thu” làm nên tên tuổi của Lưu Trọng Lư. Từ nhan đề cho đến các thi ảnh như: *trăng mờ thốn thức*, *hình ảnh kẻ chinh phu trong lòng người cô phụ*, *con nai vàng ngơ ngác đập trên lá vàng khô* đều được đặt trong thế khập khểnh, kề cạnh nhưng không liên kết; trong sự huyền diệu,

mờ nhòe của không gian và thời gian:

*Em không nghe mùa thu  
Dưới trăng mờ thốn thức?*

*Em không nghe rạo rức  
Hình ảnh kẻ chinh phu  
Trong lòng người cô phụ?*

*Em không nghe rìng thu  
Lá thu kêu xào xạc  
Con nai vàng ngơ ngác  
Đập trên lá vàng khô?*

Sức ám ảnh của các thi ảnh này lại nằm ở sự mờ ảo ấy. Sự mờ ảo là con đường chiếm lĩnh chiều sâu bản thể của mùa thu. Chỉ có thể cảm nhận sự huyền hoặc, diệu vợi của mùa thu khi thả hồn trong hiện thực thứ hai chứ không phải là hiện thực thứ nhất. Một “tiếng thu”, lạ, đẹp nhưng buồn, đầy mâu thuẫn, bí ẩn. Người ta đồn rằng, “Tiếng thu” được viết từ trên quê hương ông. Cái rặng núi sau nhà và hình ảnh con nai vàng ngơ ngác đã làm day dứt tâm cảm ấp ủ như men tình của ông. Cho nên, “Tiếng thu” cũng chính là tiếng lòng quê hương của ông vậy. Và cũng là đóng góp lớn lao cho mảnh đất quê nhà của thi sĩ.

*Nửa đời phiêu lãng với con thuyền mơ*, ghé bến Ngân-sơn, bến Trúc-lang, nơi nghìn trùng man mác nhưng thi sĩ vẫn chưa thỏa *mộng giang hồ*, *máu du từ: thuyền ơi, neo chưa buồn cắm*. Trốn vào cõi mộng nhưng mộng không bền. Vì vậy, nhà thơ không ít lần nhắc đến tình cảnh: *Giật mình ta thấy bờ hơi lạnh/ Mộng đẹp bên chẵn đã biến rồi!* (Hôm qua); *Lúc mộng nhìn nhau cười ngặt nghèo/ Mộng tan, trên gó: lệ hoen rơi* (Mộng chiều về)... Khi chập chờn, chông chênh giữa hai tình cảnh thực và mộng ấy, chúng ta nhận ra, bên cạnh người-thơ không chút vướng bận, tự do say đắm với chốn hư ảo là người-thơ sẵn sàng *lìm người trong thú đau thương*, đối chất, bộc bạch nỗi u sầu của mình. Nổi sâu bàng bạc, ngấm vào từng thi ảnh, từng giai điệu: *mắt sầu gợn sóng, sầu biêng biếc, ôm mối sầu vô hạn, sầu tràn khắp cỏ cây, ngày một*

*thêm sâu, mối sâu u,...* Tâm trạng sâu là tâm trạng chung, thường trực của cái tôi lãng mạn trong Thơ Mới lúc bấy giờ. Nhưng cái sâu của Lưu Trọng Lư không lẫn vào ai được: *Đã héo lăm nụ cười trong mộng/ Đã mờ mờ lăm bóng thân yêu/ Đã lam tím cả cánh chiều/ Trong hồn lặng đã hui hui mộng tàn* (Thú đau thương). Mộng tàn. Đau thương. Nhưng với Lưu Trọng Lư, ông vẫn xem những cảm xúc ấy là *thú*. Cách viết này vừa lạ nhưng đồng thời vừa khẳng định bản ngã của nhà thơ. Sẵn sàng đón đau, *xin để gối nằm yên chỗ cũ* thỏa cơn mộng *cái giống giang hồ*. Đây chính là cách nhà thơ nói rộng cái sâu và làm nên *điệu thơ sâu*, riêng, mối cho thi ca của mình. Mặt khác, nhà thơ sâu nhưng không hoàn toàn bi quan, chán nản, tuyệt vọng, bế tắc, bởi, ẩn chứa bên trong cái sâu ấy còn là cái tình chân thành, giàu lòng trắc ẩn, yêu thiên nhiên và rất đổi tha thiết với cuộc sống của thi sĩ.

Giây phút tỉnh mộng hé mở cái buồn sâu của thi sĩ nhưng cũng hé mở một tâm-thơ nhạy cảm, tinh tế, nhân ái: Nỗi nhớ mẹ khôn nguôi (Nắng mới); Sự chia sẻ, cảm thông trước nỗi niềm của người con gái khi lấy chồng xa (Chị em); Những trăn trở, day dứt, băn khoăn trước những mảnh đời bất hạnh (Hoa bên đường); Lòng yêu thiên nhiên (Núi xa); Trân trọng những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc (Chiếc cáng điều); Say đắm với tình yêu (Đôi mắt)...

Men theo *mộng, sâu, tình*, người đọc nắm bắt được thế giới tâm hồn của thi sĩ cũng như quan niệm về thi ca của ông, khác hẳn với quan niệm thi ca của văn học trung đại. Với ông, cái đẹp bắt nguồn, gắn bó với cuộc sống trần thế, nhưng nhà thơ phải biết tạo cái đẹp, kiếm tìm cái đẹp để tránh sự nhàm chán, rập khuôn trong sáng tạo. Việc nhà thơ mở rộng biên độ cái đẹp, đắm chìm với cái đẹp trong cõi mộng, trong vẻ đẹp “vang bóng một thời” của văn hóa cổ truyền của dân tộc cũng là cách làm mới, cách tân, thoát khỏi sự mòn chán. Như vậy, văn học nghệ thuật luôn song hành với cái đẹp. Nhưng theo Lưu Trọng Lư, cái đẹp đâu chỉ ở nội dung mà còn đẹp ở hình thức thể hiện. Ngôn từ được nhà thơ lạ hóa

bằng cách lắp ghép một cách ngẫu hứng, đầy bất ngờ nhưng vẫn gắn với thiết chế của nội cảm để tạo dựng một trường thi ảnh mang màu sắc tượng trưng. Ảnh hưởng Verlaine, Lưu Trọng Lư rất chú trọng đến nhạc điệu trong thơ. Ông quan tâm, hòa phối nhịp dài, nhịp ngắn, vần, cách ngắt nhịp... với mạch tâm trạng, cảm xúc của người nghệ sĩ. Điều này đã được Nguyễn Văn Long khẳng định trong “Từ điển văn học”: “thơ Lưu Trọng Lư giàu nhạc điệu tự nhiên và gắn gũi với điệu thơ truyền thống” [1; tr 904]. Tuy nhiên, trước năm 1945, thơ Lưu Trọng Lư vẫn là “một thứ nhạc điệu mơ màng và buồn xa vắng” [2; tr.212]. Kiều Thanh Quế khi viết “Thi sĩ Lưu Trọng Lư với ‘Tiếng thu’” có nhấn mạnh: “Đừng ai cố tìm tư tưởng trong thơ Lưu Trọng Lư. Vì vô ích. Lưu Trọng Lư bao giờ cũng chỉ biết chú trọng có âm thanh và nhạc điệu” [3; tr. 196].

Nếu trước Cách mạng tháng Tám, thơ Lưu Trọng Lư có sự tương giao, tương ứng giữa thực-phi thực, quen-lạ, cổ điển-hiện đại, quá khứ-hiện tại..., từ âm thanh, màu sắc, ngôn từ... cho đến thi ảnh trong thơ Lưu Trọng Lư đều bị ảnh hưởng bởi sự mờ nhòe, hư hư thực thực thì sau cách mạng, thơ ông hướng đến vẻ đẹp khác vẻ đẹp của những con người thâm lặng hi sinh cho đất nước ở Trường Sơn, Cự Nẫm, Quảng Trị, Huế,... và chạy dọc cả miền Trung - nơi quê hương đau khổ và thân thiết... lần lượt đi vào thơ ông: *Thổ Ngoạ hay Thuận Bài/ Minh Cầm hay Cảnh Hoá?/ Những người con gái đẹp của nhân dân/ Đến đây như những vị thiên thần/ Lại ra đi một vết lông ngan, không gửi lại/ Áo cũ rồi, anh còn mặc đấy/ Miếng vá đây còn nguyên mũi chỉ đường kim/ Của tuổi thơ mười bảy mười lăm* (Người con gái sông Gianh). Nhà thơ còn ca ngợi vẻ đẹp của bà mẹ anh hùng ở Hàm Rồng: *Một núi bom tan, một mẹ ngồi/ Tay bưng bát nước miêng đưa mời/ Ráng chiều đỏ ối cầu sông Mã/ Pháo thủ bài ca vút tận trời (Mẫu nhật kí về Hàm Rồng)*; cảm thông, chia sẻ với công việc thâm lặng của người nữ y sĩ ở Trường Sơn: *Nhưng... đá Trường Sơn/ Lòng em không quen hát thành lời/ Nhưng... nắng Trường Sơn/ Tiếng em cười không quen riu*

*rít đôi môi/ Mặt em xanh, lẩn đi trong tàu lá/ Mà đôi mắt em như sao sáng giữa rừng đêm* (Lặng thầm). Sinh ra và lớn lên ở Quảng Bình, qua những cuộc trở về thăm làng, thăm quê, người đọc có thể cảm nhận những trăn trở của tác giả trước cảnh quê hương bị dày xéo: *Bom Mỹ cày xói/ Từ xóm Mít đến xóm Phà Gianh/ Từ xóm Còi đến xóm Dưới/ Không một cành, không một bụi/ Nhà tranh, nhà ngói/ Hết thủy san bằng/ Đứng ở đầu làng/ Nhìn đến cuối làng không thấy.../ Hàng thông trên núi cũng cụt hết đầu/ Người không chỗ núp/ Chim không chỗ trú/ Mò hỏ, mò ho/ Mà bay đâu rồi?/ Chèo bà, chèo bẻo/ Mà y khuất nơi nao?/ Vành khuyên, chúc mào, cu cườm, cu đất/ Bao giờ về lại những đường bay?/ Làng tôi không chim hót/ Đâu còn làng tôi...* (Làng tôi).

Giai đoạn làm nên tên tuổi, khẳng định những đóng góp về quan niệm cái đẹp trong sáng tạo nghệ thuật, cách tân hình thức thi ca của ông vẫn là giai đoạn trước năm 1945. Rất nhiều ý kiến đánh giá, khẳng định về vị trí của Lưu Trọng Lư trong phong trào Thơ Mới: “Lưu Trọng Lư là người đầu tiên, có công đầu, lại lên tiếng tấn công liên tục, không chỉ bằng lí luận có tình có lý (bác cái cũ đã lỗi thời, ca ngợi cái mới) mà quan trọng hơn là bằng cả một thực tế sáng tác phong phú, và từng bước đã có những thành công vững chắc, có lúc rạng rỡ” [4; tr. 171]. Ngô Văn Phú còn xem ông là “chiến tướng trong phong trào Thơ Mới”... Sau cách mạng, thơ Lưu Trọng Lư gắn với hiện thực cuộc sống hơn, thể hiện rõ ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt thành của nhà thơ trước vận mệnh của nhân dân, của dân tộc, của quê nhà. Tuy có sự khác biệt giữa hai mảng thơ trước và sau 1945, nhưng có thể nói, ở giai đoạn nào, thơ của Lưu Trọng Lư vẫn hướng đến cái đẹp. Cái đẹp là nhân tố quan trọng, thiết yếu của văn học nghệ thuật. Mỗi cách tiếp cận cái đẹp trong thơ Lưu Trọng Lư đều góp phần nhấn mạnh, khẳng định sức sáng tạo bền bỉ, không hề mệt mỏi của ông.

Không chỉ năng nổ, nhiệt tình trong thơ ca, Lưu Trọng Lư còn năng nổ trong lĩnh vực văn xuôi. Khối lượng tác phẩm văn xuôi mà ông để

lại khá đồ sộ. Đề tài, ý tưởng, giọng điệu, kết cấu, nhân vật,... trong các tác phẩm văn xuôi của Lưu Trọng Lư đa phần mang đậm dấu ấn của một phong cách lãng mạn, mộng mơ nhưng nồng đượm tình cảm. Đặc biệt, tập truyện *Người sơn nhân* (gồm 3 truyện ngắn, một bài Thơ Mới và một bài tiểu luận “Một cuộc cải cách về thi ca”) được đánh giá khá cao. Phan Khôi cũng không ngần ngại khi xem đó là “tác phẩm mở đầu cho cõi tư tưởng của văn nghệ mới”.

Từng sống, học tập ở Huế, Hà Nội, thiên nhiên và cuộc sống con người nơi đây đã đi vào tác phẩm một cách tinh tế, tình cảm (Huế - một buổi chiều; Gió cây trúc lá; Em là gái trong khung cửa...). Phong tục, tập quán, lịch sử, văn hóa của vùng đất “gió Lào cát trắng”, khắc nghiệt, nơi sinh thành của Lưu Trọng Lư, cũng được thể hiện qua một số tác phẩm như: *Cầu sương điểm cỏ, Bến cũ, Chiếc cáng xanh, Cô bé hái dâu, Con voi già của vua Hàm Nghi...* *Khói lam chiều* là tác phẩm thể hiện rõ tình cảm, sự cảm thông của tác giả trước thân phận của những người lao động cơ cực, nghèo đói và những tập tục, quan niệm, lối sống của người miền Trung. Mối tình không đơm hoa kết trái giữa thằng Đối và con Vịnh, rồi cái chết của thằng Đối khi nghe tin con Vịnh có mang, bị đưa ra chợ làm nhục chính là hệ quả của những tập tục cổ hủ, lạc hậu của xã hội lúc bấy giờ. Trong *Cầu sương điểm cỏ*, hình ảnh chiếc thuyền nan trôi trên dòng lũ của bác hai Thìn; hình ảnh cái Bẹ, cu Tý bơ vơ, chồng chênh trên chiếc chõng tre, bắt đầu những ngày tháng cơ cực, đi ở mướn, lang thang bắt con nhem giữa những miếng hầu sắc nhọn để kiếm sống... như tái hiện những khó khăn, vất vả của người miền Trung sau những trận lũ lớn.

Đánh giá về phong cách văn xuôi trước 1945 của Lưu Trọng Lư, nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân nhận định: “Tóm lại, theo tôi, lãng mạn là nét phong cách khá nổi bật ở văn xuôi tự sự trước 1945 của Lưu Trọng Lư. Tất nhiên điều này không ngăn cản việc ở phần sáng tác này của ông, ta còn có thể tìm thấy những minh chứng về sự tố cáo những biểu hiện phi nhân tính, phản xã

hội ở cuộc sống đương thời – tức là những thuộc tính thường vẫn được gắn cho văn chương “tả thực phê phán”. Lại cũng có thể tìm thấy ở mảng sáng tác này của ông những trường đoạn, thậm chí gần như nguyên vẹn cả một tác phẩm cho thấy những tập tục sinh hoạt của cư dân Việt, từ tục phạt vạ gái chữa hoang (*Khói lam chiều*) đến tục chặn đường đám đón dâu để xin “cheo” (*Chiếc cáng xanh*), hoặc những quan hệ dòng tộc theo phụ hệ giành ưu thắng trong gia tộc (*Dòng họ*), v.v... nhưng cũng không dễ để có thể coi Lưu Trọng Lư như nhà văn phong tục” [5]. Giáo sư Phong Lê lại chỉ ra những cái được và chưa được của Lưu Trọng Lư: “Nếu những truyện tình và truyện hoang đường của Lưu Trọng Lư không gây được nhiều sự chú ý, và thật sự là không mới trong so sánh với các tác giả khác cùng thời như Khải Hưng, Nhất Linh; như Thế Lữ, Thanh Tịnh thì những truyện viết về một thời quá vãng, dựa trên hồi ức của bản thân, về tuổi thơ với người thân, và nhất là về người mẹ qua đời quá sớm lại có nhiều trang hay và cảm động như trong *Chiếc cáng xanh* (1941)... Tình mẹ, rõ ràng là một nguồn cảm xúc trữ tình rất lớn cho thơ, đúng như tác giả viết trong *Chiếc cáng xanh*: “Cái chết của mẹ là cái chết của tất cả những điều êm ái, ngọt ngào nhất ở trong đời chúng ta”; nhưng thơ hay về mẹ kể từ thời Thơ mới cho đến nay theo tôi vẫn là chưa đủ” [6]. Như thế, dù viết về cuộc sống và con người ở vùng đất nào, ở mảng truyền thuyết, dã sử, thần kì, ma quái,... nào, Lưu Trọng Lư cũng đều gửi gắm cái tình chân thành, niềm khát khao chiếm lĩnh cái đẹp của ông.

Ở lĩnh vực phê bình, Lưu Trọng Lư tham gia tranh luận về nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh, đấu tranh kịch liệt với thơ cũ, cổ vũ thơ mới, bên cạnh thơ mới, tranh luận về Truyện Kiều, tranh luận về thơ văn Nguyễn Công Trứ,... Lưu Trọng Lư ủng hộ "một cuộc cải cách về thi ca" và chỉ ra những nguyên nhân cần phải thay đổi. Trong một bức thư gửi cho Phan Khôi (Phụ Nữ Tân Văn đăng số 153 đầu tháng 6 năm 1932), ông bày tỏ: "Nếu cứ phải uốn nắn theo khuôn khổ chật hẹp, như hiện tình thi ca

nước nhà, thì họ phải thất vọng biết dường nào ! Vậy ta còn ngần ngại gì nữa, mà không mở rộng cái "lãnh thổ" kia ra, để mặc sức cho họ đem những cái thiên tài phú bẩm ra mà đua bơi vùng vẫy. Làm vậy, hoặc giả có kẻ hoài nghi mà bảo rằng: "Phóng túng buông lung quá rồi thành ra lộn xộn, mất cả nề thơ". Trong cái lúc quá độ, ắt phải như thế, có buông lung, có phóng túng mới có thể phát triển hết những cái rất hay, rất quý, rất đẹp trong mình, tuy có nhiều lộn xộn, nhưng một ngày kia thành thực rồi, sẽ trở vào trong những cái nguyên tắc lễ lối, rộng rãi hơn, tự do hơn". Theo ông, Thơ Mới ra đời là một quy luật tất yếu, cần thiết. Chỉ có ở Thơ Mới, người nghệ sĩ mới được tự do bộc lộ những thành thật của cảm xúc, của tâm hồn. Những bài tranh luận nhiệt huyết, sôi nổi đó của Lưu Trọng Lư được in trong cuốn “Văn chương và Hành động”, Nxb Phương Đông, 1936 (Nxb Hội Nhà văn in lại năm 1999), (in chung với Hoài Thanh, Lê Tràng Kiều) đã thể hiện một cây bút lí luận đầy bản lĩnh, dũng khí và giàu sức thuyết phục.

Bên cạnh đó, Lưu Trọng Lư còn biết đến với tư cách là nhà soạn kịch. Đề tài của kịch cũng khá phong phú: về tình cảm gia đình, về tình yêu, về lịch sử,... vở *Hồng gấm* và *Tuổi hai mươi* tuy còn có nhiều hạn chế, thiên về “hoạt cảnh thơ hơn là một vở kịch” (Nguyễn Văn Long) nhưng vẫn gây xúc động với người đọc về hình tượng người nữ anh hùng miền Nam. Đến vở *Bình minh Anh vũ*, Lưu Trọng Lư đã thoát ra khỏi nhược điểm ấy. Đấu tranh cho tình yêu, hạnh phúc, vở *Bình minh Anh vũ* “được xây dựng khá quy mô với ba hồi, mười hai cảnh. Chất thơ và tính kịch đã có sự hòa hợp, bổ sung cho nhau. Hành động kịch được phát triển theo một tuyến khá nhất quán, tâm lí nhân vật ít nhiều đã được soi rọi, tuy vậy cũng còn một số cảnh hơi dài dòng, dàn trải, những đối thoại chưa được chọn lọc và còn dang dở quá” [7; tr.257]. Trong hai mảng kịch nói và kịch thơ, kịch thơ có sức hấp dẫn hơn, phù hợp với giọng điệu trữ tình lãng mạn của Lưu Trọng Lư, tuy chưa để lại dấu ấn bằng thơ và văn xuôi cả về số lượng lẫn chất lượng song ít nhiều đã giúp người đọc có cái nhìn bao

quát hơn về sự nghiệp sáng tác và những cống hiến của Lưu Trọng Lư, mà lâu nay ta thường lãng tránh, hoặc vô tình bỏ quên.

Như thế, sự cống hiến phong phú và đa dạng trong sáng tác của Lưu Trọng Lư chưa được nhìn nhận đúng mức, hợp lý. Hay nói như nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân: "... Nhưng điều đáng nói hơn lại là sự tặc trách của nền nghiên cứu và nền xuất bản của ta. Đối với tên tuổi Lưu Trọng Lư, mọi quan tâm của chúng ta chỉ dừng lại ở sáng tác thơ, thậm chí chỉ dừng lại ở một bài *Tiếng Thu!* Chính sự lười nhác, tặc trách của các giới nghiên cứu và xuất bản đã khiến nhiều tác phẩm bị rơi vào quên lãng một cách oan uổng" [8]. Sự kiện Lễ kỷ niệm 100 năm sinh nhà thơ nhà soạn kịch Lưu Trọng Lư do Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam cùng việc trao Giải thưởng văn học nghệ thuật mang tên Lưu Trọng Lư lần thứ tư do UBND và Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình và gia đình nhà thơ đồng tổ chức tại Hà Nội (vào ngày 15/6/2011 và tháng 12/2011); sự ra đời của ba bộ sách "Lưu Trọng Lư - tác phẩm truyện ngắn, tiểu thuyết", do Lại Nguyên Ân và Hoàng Minh sưu tầm, biên soạn, Nxb Lao Động và Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2011; "Bài ca tự tình", Nxb Hội Nhà văn, 2011, tuyển chọn những bài thơ chưa từng công bố của Lưu Trọng Lư đã "giải oan" và khôi phục những đóng góp của một thi sĩ, một nhà văn, nhà lý luận đa tài Lưu Trọng Lư.

Những cảm xúc tinh tế, giàu tính nhân văn cùng với lòng nhiệt thành đã góp phần khẳng định vai trò kiện tướng không chỉ trong phong trào Thơ Mới, mà còn khẳng định tiếng nói của một nhà thơ lớn, vị trí quan trọng của một nhà văn, nhà phê bình sắc sảo, nhạy cảm, khách quan, đối với sự phát triển văn học nghệ thuật Quảng Bình nói riêng và Việt Nam nói chung.

"Người có tài lao động, thiên tài sáng tạo" (Robert Schumann). Lưu Trọng Lư là một thiên tài như thế. Bên cạnh những yếu tố thiên bẩm, dường như, cái vị mặn mòi của biển, cái bồng rập của gió Lào, cái bất ngờ của cơn đại hồng thủy,... cũng là một trong những nhân tố hun đúc nên khí

chất, tâm hồn của một thi sĩ không ngừng "gom nhặt cái đẹp cho đời". Vì thế, những gì ông viết không chỉ tôn vinh cuộc sống, con người, nền văn học nghệ thuật Quảng Bình, chứng minh được tiềm năng, sức sống của vùng đất "địa linh nhân kiệt", nơi sinh nở những tài năng lớn như: Dương Văn An, Thượng Đăng Thần Nguyễn Hữu Cảnh, Hàn Mặc Tử, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Xuân Sanh... mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn học dân tộc. Với những đóng góp, cống hiến ấy, ông xứng đáng được tôn vinh là danh nhân văn hóa của dân tộc ■

[1]. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên), *Từ điển văn học* (bộ mới), Nxb Thế giới, 2004.

[2]. Huy Cận - Hà Minh Đức (chủ biên), *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca*, Nxb Giáo dục, 1997.

[3]. Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Hữu Sơn (sưu tầm, biên soạn), *Tap chí Tri Tân (1941-1945) Phê bình văn học*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999.

[4]. Lê Thị Đức Hạnh, *Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.

[5]. Lại Nguyên Ân, "*Văn xuôi tự sự Lưu Trọng Lư: những ghi nhận và đánh giá trái ngược*", <http://www.vanvn.net/news>

[6]. Phong Lê, "*Lưu Trọng Lư - người viết văn xuôi*", [vanvn.net/news](http://www.vanvn.net/news)

[7]. Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.

[8]. Lại Nguyên Ân, "*Đọc lại một thiên truyện Lưu Trọng Lư về lũ lụt miền Trung*", <http://vanhoanghean.vn>

[9]. Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học, 2006.

[10]. Huy Cận - Hà Minh Đức (chủ biên), *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca*, Nxb Giáo dục, 1997.

[11]. Hoàng Vũ Thuật, Hữu Phương, Hoàng Bình Trọng (tuyển chọn), *Nhà văn Việt Nam hiện đại Quảng Bình*, Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Quảng Bình xuất bản, 2001.

[12]. Nguyễn Đức Nam (chủ biên), *Thơ Việt Nam 1945-1985*, Nxb Giáo dục, 1985.

[13]. Lại Nguyên Ân (tập hợp và biên tập), *Thơ Mới 1932-1945: tác giả và tác phẩm*, Nxb Hội Nhà văn, 2004.

[14]. Lưu Trọng Lư, *Từ đất này*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1971.

[15]. Lưu Trọng Lư, *Tiếng thu*, Nxb Thông tin, 1991.

[16]. Lưu Trọng Lư, *Người con gái sông Gianh*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1996.